

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: 21 / 7 /2021

Nhóm: **20T4-KLB1**

Môn học phần: **0714000453 - Vật Lý 1**

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Ký tên	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	20001688	Trần Hồng Ân			20T4-KLB1		7,0	Bảy , không	
2	20001968	Nguyễn Phương Anh			20T4-KLB1		7,0	Bảy , không	
3	20001547	Võ Minh Anh			20T4-KLB1		7,3	Bảy , ba	
4	20002262	Nguyễn Thị Ngọc Bích			20T4-KLB1		6,3	Sáu , ba	
5	20001263	Trần Ngọc Bảo Châu			20T4-KLB1		7,5	Bảy , năm	
6	20001371	Nguyễn Ngọc Thùy Dương			20T4-KLB1		5,5	Năm , năm	
7	20001061	Nguyễn Thế Duy			20T4-KLB1		5,0	Năm , không	
8	20000071	Vũ Ngọc Hân			20T4-KLB1		7,5	Bảy , năm	
9	20001199	Nguyễn Thị Thanh Hoa			20T4-KLB1		6,5	Sáu , năm	
10	20000029	Vũ Phạm Hồng Ân Huệ			20T4-KLB1		8,3	Tám , ba	
11	20001315	Lê Minh Hùng			20T4-KLB1		7,0	Bảy , không	
12	20001574	Lê Nguyễn Tuấn Huy			20T4-KLB1		6,0	Sáu , không	
13	20001242	Nguyễn Nhật Huy			20T4-KLB1		5,0	Năm , không	
14	20000221	Tạ Nguyễn Phương Huyền			20T4-KLB1		3,8	Ba , tám	
15	20000594	Nguyễn Dương Gia Khang			20T4-KLB1		7,5	Bảy , năm	
16	20000534	Phan Thiện Khanh			20T4-KLB1		7,5	Bảy , năm	
17	20001937	Trương Quang Khiêm			20T4-KLB1		5,0	Năm , không	
18	20001579	Nguyễn Xuân Lan			20T4-KLB1		5,3	Năm , ba	
19	20002140	Huỳnh Thị Phương Linh			20T4-KLB1		5,8	Năm , tám	
20	20001731	Nguyễn Trần Ánh Linh			20T4-KLB1		6,8	Sáu , tám	
21	20000704	Lâm Thị Bé Mi			20T4-KLB1		9,0	Chín , không	
22	20001787	Trần Trà My			20T4-KLB1		6,3	Sáu , ba	
23	20001752	Trương Ngọc Thảo My			20T4-KLB1		9,0	Chín , không	
24	20000726	Trần Phương Nga			20T4-KLB1		6,0	Sáu , không	
25	20002122	Trần Thị Thảo Nguyên			20T4-KLB1		8,5	Tám , năm	
26	20000223	Trần Ngọc Thúy Nhi			20T4-KLB1		4,3	Bốn , ba	
27	20002221	Trần Ngọc Xuân Nhi			20T4-KLB1		7,3	Bảy , ba	
28	20000952	Hồng Tú Phượng			20T4-KLB1		7,0	Bảy , không	
29	20001325	Trần Quốc Tài			20T4-KLB1		6,3	Sáu , ba	
30	20001134	Mạch Duy Tân			20T4-KLB1		5,8	Năm , tám	
31	20001872	Đinh Võ Hoài Thương			20T4-KLB1		4,8	Bốn , tám	
32	20000894	Lê Trần Thủy Tiên			20T4-KLB1		6,8	Sáu , tám	
33	20002274	Nguyễn Thị Bảo Trân			20T4-KLB1		6,8	Sáu , tám	
34	20000120	Tạ Ngọc Bảo Trân			20T4-KLB1		8,3	Tám , ba	
35	20001904	Phạm Nguyễn Hoàng Trí			20T4-KLB1		4,8	Bốn , tám	
36	20001512	Dương Anh Triết			20T4-KLB1		7,8	Bảy , tám	
37	20006716	Bùi Thị Khánh Vy			20T4-KLB1		7,5	Bảy , năm	
38	20001743	Huỳnh Trà Vy			20T4-KLB1		5,0	Năm , không	
39	20001981	Nguyễn Phạm Thảo Vy			20T4-KLB1		5,8	Năm , tám	
40	20001514	Nguyễn Thúy Vy			20T4-KLB1		7,5	Bảy , năm	

41	20001135	Trần Đan Vy			20T4-KLB1		3,8	Ba , tám	
42	20001995	Hà Kim Yến			20T4-KLB1		6,5	Sáu , năm	
43	20000569	Nguyễn Hoàng Bảo Châu			20T4-KLB1		5,0	Năm , không	
44	20002056	Lê Tấn Đạt			20T4-KLB1		5,8	Năm , tám	
45	20000761	Tăng Thị Mỹ Duyên			20T4-KLB1		5,8	Năm , tám	
46	20003119	Nguyễn Đỗ Gia Hân			20T4-KLB1		7,0	Bảy , không	
47	20001796	Nguyễn Ngọc Minh Tâm			20T4-KLB1		5,3	Năm , ba	
48	20001433	Nguyễn Hà Tú Uyên			20T4-KLB1		6,5	Sáu , năm	

48

Ghi chú:

Danh sách gồm 48 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 48 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 0 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quỳnh Giao

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Tú

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

